

VISTIP VÀ ĐẠI SỨ QUÁN CỘNG HÒA PHÁP TẠI VIỆT NAM PHÁT TRIỂN HOẠT ĐỘNG HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ VÀ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO TẠI TỈNH QUẢNG BÌNH

Ngày 18/5/2023, Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển hội nhập khoa học và công nghệ (KH&CN) quốc tế (VISTIP) - Bộ KH&CN, cùng Giáo sư Dominique Laffly - Tùy viên hợp tác khoa học và đại học của Đại sứ quán Cộng hòa Pháp tại Việt Nam đã có chuyên công tác làm việc với tỉnh Quảng Bình về hợp tác nghiên cứu khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH&CN, ĐMST); đào tạo đại học. Đồng chí Trần Hải Châu, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh ủy, Chủ tịch HĐND tỉnh chủ trì đón tiếp và làm việc với đoàn công tác. Tham dự buổi làm việc còn có các thành viên của VISTIP, Đại sứ quán Pháp tại Việt Nam và đại diện lãnh đạo các sở, ngành liên quan của tỉnh.

Tại buổi làm việc, đồng chí Trần Hải Châu thay mặt lãnh đạo Tỉnh ủy và HĐND tỉnh đã giới thiệu khái quát về những tiềm năng, thế mạnh, những định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Theo đó, Quảng Bình là một trong các địa phương tại Việt Nam có nhiều lợi thế để phát triển du lịch, đặc biệt là hệ thống hang động, cảnh quan địa chất, địa mạo Phong Nha - Kẻ Bàng đã được UNESCO công nhận là Di sản thiên nhiên thế giới; với hệ thống bãi biển trải dài Quảng Bình còn có lợi thế phát triển du lịch biển và du lịch sinh thái biển, nuôi trồng, khai thác chế biến thủy hải sản, phát triển kinh tế biển; tỉnh cũng đồng thời có diện tích rừng và đất rừng lớn có mật độ che phủ lớn nhất Việt Nam, có nhiều loại tài nguyên khoáng sản phong phú, với đường biển dài hơn 116km với nhiều danh thắng đẹp, Quảng Bình còn có tiềm năng phát triển về năng lượng tái tạo, đặc biệt



là điện gió, điện mặt trời (Các doanh nghiệp hoạt động trên địa bàn tỉnh hiện mới đầu tư hạ tầng năng lượng tái tạo 300MW trên tổng công suất 2.500MW điện năng lượng tái tạo cân đầu tư...). Tuy nhiên, việc khai thác các tiềm năng thế mạnh để phát triển kinh tế - xã hội, tạo sinh kế bền vững cho người dân của tỉnh còn chưa đạt như kỳ vọng, đời sống của người dân còn gặp nhiều khó khăn, hiện tỉnh đang phải đối diện các khó khăn thách thức của tình trạng biến đổi khí hậu, mưa bão, triều cường, nước biển dâng, thời tiết nắng nóng khắc nghiệt vào mùa hè. Bên cạnh đó, việc giải quyết các bài toán phát triển bền vững đi đôi với chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, phát triển xanh thích ứng, giảm thiểu các hậu quả của biến đổi khí hậu gắn với bảo vệ môi trường trong bối cảnh vị trí địa lý của tỉnh xa các thành phố lớn, hoạt động phát triển KH&CN của tỉnh còn hạn chế là mối quan tâm, quyết tâm lớn của lãnh đạo tỉnh trong thời gian qua.

Từ tiềm năng, thế mạnh cũng như khó khăn hiện hữu của tỉnh, đồng chí Trần Hải Châu cũng làm rõ, làm sâu sắc thêm nhu cầu trao đổi

cơ hội hợp tác với các đối tác KH&CN, ĐMST của Cộng hòa Pháp trong thời gian tới với mong muốn nhận được sự quan tâm, hỗ trợ của VISTIP và Đại sứ quán Cộng hòa Pháp tại Việt Nam thông qua việc giới thiệu các chương trình, dự án, giải pháp về KH&CN, ĐMST gắn với phát triển nguồn nhân lực và sự nghiệp giáo dục đại học, các chương trình dự án thích ứng với biến đổi khí hậu trên các lĩnh vực du lịch, đô thị, công nghiệp, nông nghiệp, kinh tế biển, thị trường tín chỉ các bon... hướng tới mục tiêu phát triển xanh, tạo sinh kế bền vững cho người dân vùng khó khăn,...

Tại buổi làm việc Giáo sư Dominique Laffly chia sẻ thông tin về các tổ chức KH&CN, ĐMST của Cộng hòa Pháp (IRD, CIRAD, AFD....) cũng như phân tích các dự địa, lĩnh vực, vấn đề KH&CN, giải pháp sáng tạo mà các bên có thể hợp tác trong thời gian tới. Còn Trung tâm VISTIP với chức năng giúp Bộ trưởng Bộ KH&CN trong nghiên cứu và phát triển các hoạt động hội nhập KH&CN, VISTIP đề xuất tiếp tục có các hoạt động điều tra khảo sát năng lực, nhu cầu về hội nhập, hợp

tác quốc tế về KH&CN của các cơ quan quản lý, tổ chức KH&CN, cá nhân các nhà khoa học trên địa bàn tỉnh. Cùng với ý kiến của lãnh đạo tỉnh, các sở ngành làm việc với Đoàn trong chuyển công tác này, kết quả khảo sát sẽ là cơ sở hỗ trợ tỉnh đề xuất các chương trình, dự án hợp tác với đối tác Pháp bám sát Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 3/11/2022 của Bộ Chính trị về “Phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Trung Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”; các chương trình, giải pháp phát triển KH&CN đã ký kết, phối hợp giữa Bộ KH&CN và tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2021-2025, phù hợp với thực trạng, tiềm năng và yêu cầu phát triển của tỉnh.

Trong chương trình làm việc tại tỉnh Quảng Bình, trên cơ sở kết quả buổi làm việc với lãnh đạo Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, sáng ngày 19/5/2023, Đoàn công tác tiếp tục có buổi làm việc với lãnh đạo Sở KH&CN tỉnh Quảng Bình cụ thể hoá một số hoạt động hợp tác nghiên cứu với các đối tác Pháp trong thời gian tới ■

Theo most.gov.vn

**NGHIỆM THU CẤP TỈNH DỰ ÁN THUỘC CHƯƠNG TRÌNH NÔNG THÔN MIỀN NÚI:
“ỨNG DỤNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ XÂY DỰNG MÔ HÌNH SẢN XUẤT GIỐNG, TRỒNG VÀ
SƠ CHẾ DƯỢC LIỆU KIM TIỀN THẢO (DESMODIUM STYRACIFOLIUM (OSB.) MERR. VÀ SÂM BẢO
(ABELMOSCHUS SAGITTIFOLIUS (KURZ) MERR.) TRÊN VÙNG ĐẤT GÒ ĐỒI TỈNH QUẢNG BÌNH”**

Hội đồng Khoa học đánh giá nghiệm thu cấp tỉnh tổ chức nghiệm thu dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi: “Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu Kim tiền thảo (*Desmodium styracifolium* (Osborne) Merr.) và sâm Bão (*Abelmoschus sagittifolius* (Kurz) Merr.) trên vùng đất gò đồi tỉnh Quảng Bình”, do Công ty TNHH Nông nghiệp xanh Quảng Bình chủ trì thực hiện.

Mục tiêu của dự án là ứng dụng KH&CN

xây dựng thành công mô hình sản xuất giống, trồng và sơ chế dược liệu Kim tiền thảo, sâm Bão nhằm phát triển vùng trồng dược liệu, góp phần chuyển đổi cơ cấu cây trồng, nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo thu nhập, ổn định đời sống của người dân.

Sau gần 4 năm triển khai từ tháng 6 năm 2019 đến nay, đơn vị chủ trì đã thực hiện tốt các mục tiêu, nội dung dự án mà Bộ KH&CN đã phê duyệt. Chuyển giao và tiếp nhận các quy trình công nghệ, cụ thể: Chuyển giao và

tiếp nhận thành công 5 quy trình công nghệ: Quy trình kỹ thuật nhân giống cây Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật trồng cây Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Kim tiền thảo; Quy trình kỹ thuật trồng cây sâm Báo theo VietGAP; Quy trình kỹ thuật thu hoạch, sơ chế và bảo quản dược liệu Sâm báo. Dự án đã triển khai xây dựng mô hình: Xây dựng mô hình nhân giống cây Kim tiền thảo với quy mô 1.500m², 180.000 cây giống/dự án đạt tiêu chuẩn: chiều cao cây 10-15cm, có 5-7 lá; Mô hình vườn giống gốc cây Kim tiền thảo với quy mô 1.000m²; Mô hình trồng, chăm sóc, thu hoạch sơ chế cây Kim tiền thảo: quy mô 4ha, năng suất 5,0 tấn/ha, sản lượng 20 tấn dược liệu khô (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V); Mô hình vườn giống gốc cây sâm Báo với quy mô 6.000m², thu 80kg hạt giống (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V). Mô hình trồng, chăm sóc, thu hoạch sơ chế cây sâm Báo: quy mô 20ha, năng suất



1,5 tấn dược liệu khô/ha, sản lượng 30 tấn dược liệu khô (đạt tiêu chuẩn Dược điển Việt Nam V). Đào tạo 10 cán bộ kỹ thuật về kỹ thuật nhân giống, trồng và thu hoạch sơ chế dược liệu Kim tiền thảo và sâm Báo. Tập huấn cho 200 lượt người dân về trồng trọt, thu hoạch dược liệu Kim tiền thảo và Sâm báo.

Tại buổi nghiệm thu, các thành viên Hội đồng Khoa học, các đơn vị liên quan đã tham gia đóng góp nhiều ý kiến để giúp nhiệm vụ hoàn thiện hơn, tiến tới nghiệm thu cấp nhà nước ■

T.N

NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ: “NGHIÊN CỨU, ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI NGUYÊN, BẢO VỆ CẢNH QUAN VÀ MÔI TRƯỜNG BỀN VỮNG KHU VỰC LƯU VỰC SÔNG SƠN”

Hội đồng Khoa học nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh đã tổ chức nghiệm thu nhiệm vụ: “Nghiên cứu, đề xuất giải pháp quản lý, sử dụng tài nguyên, bảo vệ cảnh quan và môi trường bền vững khu vực lưu vực sông Sơn (LVS)”, do Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì thực hiện.

Mục tiêu nghiên cứu của nhiệm vụ nhằm đánh giá hiện trạng tài nguyên thiên nhiên (TNTN) và môi trường LVS Sơn; Xác định

nguyên nhân ảnh hưởng đến TNTN và môi trường LVS Sơn. Từ đó đề xuất các giải pháp quản lý, sử dụng hợp lý TNTN, bảo vệ môi trường phục vụ phát triển bền vững (PTBV) LVS Sơn.

Nội dung nghiên cứu nhằm đánh giá hiện trạng, diễn biến và các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên nước mặt; Đánh giá hiện trạng, diễn biến và các yếu tố ảnh hưởng đến tài nguyên đất; Đánh giá hiện trạng, diễn biến và các yếu

tổ ảnh hưởng đến tài nguyên thảm thực vật; Đánh giá hiện trạng tài nguyên cảnh quan văn hóa. Đề xuất giải pháp phát triển bền vững TNTN và môi trường ở LVS Son. Nhiệm vụ thực hiện ở LVS Son, đoạn chảy qua các xã và thị trấn của huyện Bồ Trạch (xã Thượng Trạch, xã Tân Trạch, thị trấn Phong Nha, xã Xuân Trạch, xã Phúc Trạch, xã Lâm Trạch, xã Hưng Trạch, xã Cự Nẫm, xã Liên Trạch, xã Mỹ Trạch) và các xã của thị xã Ba Đồn (xã Quảng Minh và xã Quảng Văn).

Được thực hiện từ tháng 8 năm 2021 đến nay, kết quả nghiên cứu đã đề xuất nhóm giải pháp nhằm sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên trên LVS Son, bao gồm nhóm giải pháp phi công trình, như: đề xuất thành lập ban quản lý LVS toàn tỉnh; quản lý một cách tổng hợp

toàn bộ TNTN trên lưu vực sông; hoạch khai thác sử dụng TNN hợp lý dọc theo toàn bộ LVS Son (3 vùng cụ thể); tuyên truyền giáo dục nâng cao nhận thức về sử dụng và bảo vệ TNTN; các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế...) và nhóm giải pháp công trình, như: cải thiện, nâng cao hệ thống đê điều, hồ chứa; chỉnh trị dòng sông; giải pháp bảo vệ môi trường, phòng tránh bão, lũ, hạn hán...)

Tại buổi nghiệm thu, các thành viên trong Hội đồng Khoa học đánh giá cao kết quả đạt được của nhiệm vụ, nhận định nhiệm vụ có giá trị khoa học cả về lý luận và thực tiễn. Bên cạnh những kết quả đạt được, Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ cũng đã đưa ra một số góp ý để nhóm tác giả tiếp tục hoàn thiện nhiệm vụ ■

T.N

ĐỊNH HƯỚNG XÂY DỰNG TIÊU CHUẨN VIỆT NAM VỀ CÔNG NGHỆ TRỌNG YẾU, MỚI NỔI (CET)

Thế giới đang trên đỉnh của một làn sóng đổi mới và đột phá về công nghệ, khi các công nghệ mới nổi tiếp tục phát triển nhanh chóng và ảnh hưởng tới mọi mặt của đời sống, xã hội. Khái niệm về công nghệ quan trọng và mới nổi (Critical and Emerging Technologies-CET) dần trở nên quen thuộc với các quốc gia, người dân trên thế giới, công nghệ CET hứa hẹn sẽ thúc đẩy cách mạng công nghiệp 4.0, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng cuộc sống. Tuy nhiên, những cơ hội này cũng đặt ra những thách thức to lớn, không chỉ đối với quốc gia phát triển mà cả quốc gia phát triển như Việt Nam như gắn kết xã hội, bình đẳng xã hội, bảo đảm quyền riêng tư cá nhân, an ninh quốc gia.

Các quốc gia như Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản, Đức, Úc, Ấn Độ... đã xây dựng và ban hành Chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia cho công nghệ CET nhằm tăng cường khả

năng cạnh tranh quốc gia thông qua việc xây dựng các tiêu chuẩn toàn cầu cũng như bảo vệ công nghệ lõi của quốc gia. Ví dụ, Chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia cho công nghệ CET của Hoa Kỳ gồm các lĩnh vực như: Công nghệ truyền thông và mạng; Chất bán dẫn và vi điện tử, bao gồm Công nghệ Máy tính, Bộ nhớ và Lưu trữ; Trí tuệ nhân tạo và học máy; Cơ sở hạ tầng thông minh và Internet vạn vật; An ninh mạng và quyền riêng tư. Tương tự, Chiến lược tiêu chuẩn hoá quốc gia cho công nghệ CET của Trung Quốc sẽ tập trung vào các công nghệ mới nổi, chẳng hạn như 5G, Internet vạn vật (IoT) và trí tuệ nhân tạo (AI).

Các Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế như: Tổ chức tiêu chuẩn hoá quốc tế (ISO) và Ủy ban kỹ thuật điện quốc tế (IEC) đã xây dựng và ban hành Chiến lược tiêu chuẩn hoá, trong đó, Công nghệ CET là một cấu thành của Chiến lược trên; đồng thời, thành lập Tiểu ban kỹ

thuật ISO/IEC JTC 1/SC 42 về AI đã công bố 17 tiêu chuẩn, đang xây dựng 36 tiêu chuẩn; ISO/IEC JTC 1/SC 38 về Điện toán đám mây và hệ thống phân tán đã công bố 26 tiêu chuẩn, đang xây dựng 7 tiêu chuẩn; ISO/IEC JTC 1/SC 41 về IOT đã công bố 43 tiêu chuẩn, đang xây dựng 3 tiêu chuẩn. Liên minh Viễn thông quốc tế ITU cũng đã thành lập các nhóm công tác xây dựng tiêu chuẩn, khuyến nghị về CET cho AI, thiết bị mạng 5G... Hội Kỹ sư Điện và Điện tử IEEE cũng là tổ chức kỹ thuật tích cực tham gia vào xây dựng tiêu chuẩn cho các giải pháp của công nghệ CET như: AI, mạng công nghiệp, sản xuất thông minh...

Tại Việt Nam, hiện nay, Chính phủ đã xây dựng và ban hành một loạt các chiến lược, chính sách về CET, trong đó ưu tiên công nghệ như một động lực tăng trưởng chính như: Quyết định số 38/2020/QĐ-TTg ngày 30/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục công nghệ cao được ưu tiên đầu tư phát triển và danh mục sản phẩm công nghệ cao được khuyến khích phát triển; Quyết định số 127/QĐ-TTg, ngày 26/1/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược quốc gia về nghiên cứu, phát triển và ứng dụng Trí tuệ nhân tạo đến năm 2030; Quyết định số 2289/QĐ-TTg, ngày 31/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ đã ban hành chiến lược Quốc gia về cách mạng công nghiệp lần thứ tư đến năm 2030... Trong các chiến lược trên, một trong những nhiệm vụ quan trọng là xây dựng,

hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về công nghệ và sản phẩm CET như: Trí tuệ nhân tạo, công nghệ Internet kết nối vạn vật (IoT), công nghệ dữ liệu lớn và phân tích dữ liệu lớn, công nghệ chuỗi khối (Blockchain), công nghệ ảo hóa, điện toán đám mây, điện toán lưới, điện toán biên, điện toán sương mù, công nghệ lượng tử, công nghệ đảm bảo an ninh, an toàn mạng và bảo mật thông tin tiên tiến, Robotics.

Trong hệ thống TCVN hiện nay có 3 TCVN về trí tuệ nhân tạo, 32 TCVN về an ninh thông tin, mật mã; 3 TCVN về Dữ liệu lớn; 22 TCVN về điện toán đám mây và internet vạn vật IOT; 10 TCVN về robot công nghiệp. Đây là lĩnh vực đầy tiềm năng nhưng cũng nhiều thách thức đối với các nhà khoa học và doanh nghiệp Việt Nam. Trong thời gian tới, Bộ KH&CN sẽ tiếp tục phối hợp với các bộ ngành, viện nghiên cứu, tổ chức liên quan triển khai xây dựng 20 TCVN về trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, điện toán đám mây, IOT và robot công nghiệp. Việc nghiên cứu xây dựng, hoàn thiện hệ thống TCVN về công nghệ và sản phẩm CET sẽ góp phần quan trọng định hướng, hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nghiên cứu, phát triển, chuyển giao, ứng dụng công nghệ CET vào mọi mặt của đời sống kinh tế - xã hội, nâng cao năng suất lao động, khả năng cạnh tranh quốc gia, thúc đẩy tăng trưởng bền vững trong bối cảnh kinh tế chính trị thế giới thay đổi nhanh, khó lường ■

Theo Vietq.vn

CÔNG CỤ 5S NÂNG CAO NĂNG SUẤT VÀ LỢI NHUẬN CHO DOANH NGHIỆP

Việc áp dụng công cụ 5S nhằm tạo ra môi trường làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, thuận tiện, giảm thiểu lãng phí, đảm bảo an toàn, từ đó nâng cao năng suất và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Hiện nay, doanh nghiệp muốn phát triển bền vững thì nâng cao năng suất, cải tiến chất lượng sản phẩm để phù hợp với nhu cầu thị trường, thị

hiếu của người tiêu dùng là một trong những yêu cầu bắt buộc. Việc áp dụng các công cụ cải tiến được xem là giải pháp hữu hiệu giúp doanh nghiệp cải tiến quy trình sản xuất, loại bỏ những khuyết điểm, giảm lãng phí nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, nâng cao vị thế và uy tín của doanh nghiệp trên thị trường. Trong đó không thể không kể đến công cụ cải tiến 5S.

5S là tập hợp 5 từ của tiếng Nhật bắt đầu bằng chữ S: Seiri - Seiton - Seiso - Seiketsu - Shitsuke. Về bản chất, những từ này có nghĩa như sau: Seiri - phân biệt những thứ cần thiết và không cần thiết tại nơi làm việc rồi loại bỏ thứ không cần thiết; Seiton - sắp xếp những thứ còn lại sau khi seiri theo trật tự ngăn nắp, tiện lợi cho sử dụng; Seiso - vệ sinh và giữ gìn cho máy móc, môi trường làm việc sạch sẽ; Seiketsu - luôn nâng cao và giữ gìn vệ sinh nơi làm việc bằng cách thực hiện thường xuyên 3 bước trên; Shitsuke - tạo cho mọi người thói quen tuân thủ quy định tại nơi làm việc và tự giác tham gia vào hoạt động 5S.

5S hiện trở thành thuật ngữ chung được phổ biến và sử dụng rộng rãi trên toàn thế giới. Khi đưa vào Việt Nam, 5S được dịch sang tiếng Việt với các cụm từ: Sàng lọc - Sắp xếp - Sạch sẽ - Săn sóc - Sẵn sàng. Hiểu đơn giản, 5S là cụm 5 từ tiếng Nhật thể hiện một triết lý, phương pháp làm việc nhằm tạo ra môi trường làm việc sạch sẽ, ngăn nắp, thuận tiện, giảm thiểu lãng phí, đảm bảo an toàn, từ đó nâng cao năng suất và lợi nhuận cho doanh nghiệp.

Khi thực hiện thành công, 5S sẽ mang lại cho doanh nghiệp sự thay đổi kỳ diệu. Những thứ không cần thiết được loại bỏ khỏi nơi làm việc, những vật dụng cần thiết được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, đặt ở vị trí thuận tiện cho người sử dụng, máy móc thiết bị trở nên sạch sẽ, được bảo dưỡng, bảo quản. Từ các hoạt động 5S sẽ nâng cao tinh thần tập thể, khuyến khích sự hòa đồng của mọi người, qua đó người làm việc có thái độ tích cực hơn, có trách nhiệm và ý thức hơn với công việc.

Thời gian qua, nhiều doanh nghiệp tại Việt Nam đã thành công áp dụng 5S, biến 5S không chỉ đơn thuần là một công cụ mà trở thành văn hóa cải tiến của công ty. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn có những doanh nghiệp áp dụng 5S



chưa thành công, một trong những lỗi điển hình là quá vội vàng triển khai, dẫn tới không có kết quả mà còn tốn nhiều chi phí.

Chuyên gia năng suất Man Thiện Ninh nhận định, ngay cả những công ty ở Nhật Bản cũng không phải tất cả đều áp dụng và duy trì thành công 5S. Có điều, cách mà người Nhật áp dụng 5S ở công ty của họ dựa trên nền tảng con người đã có sẵn nhận thức về 5S.

Ngược lại, ở Việt Nam nền tảng kiến thức về 5S vẫn hạn chế, nhận thức của nhân viên đang trong giai đoạn sơ khai, nhưng khi áp dụng lại muốn nhanh chóng có kết quả, áp đặt mục tiêu lớn, thay đổi đột ngột... tạo ra sự chuyển biến môi trường làm việc nhưng lại thiếu đi tính bền vững. Để hình thành thói quen cải tiến và thực hiện 5S mang tính tự giác không phải ngày một ngày hai hoặc trong thời gian ngắn có thể mang lại hiệu quả.

Do đó, phương pháp tiếp cận khuyến nghị đối với doanh nghiệp muốn áp dụng 5S là cần xác định năng lực, nguồn lực hiện tại của mình, vạch ra mục tiêu, mức độ mong muốn đạt được của doanh nghiệp dài hạn theo từng cấp độ nhất định. Tương ứng với từng cấp độ, mục tiêu đó hoạch định ra những công việc phải làm, phương pháp nào thực hiện, phân công nhiệm vụ rõ ràng theo từng khu vực nhỏ, theo từng phòng ban và phương pháp dùng để kiểm tra đánh giá mức độ đạt được ■

Theo Vietq.vn

BẢO VỆ NGƯỜI TIÊU DÙNG THÔNG QUA VIỆC ÁP DỤNG ISO 22458

Biến đổi khí hậu, số hóa, khủng hoảng về chi phí sinh hoạt, biến động thị trường năng lượng kết hợp tác động kéo dài của Covid-19 đã tạo ra những vấn đề chưa từng có và rủi ro mới cho người tiêu dùng trong cuộc sống hàng ngày.

Trong thập kỷ qua, có rất nhiều yếu tố rủi ro dẫn đến tình trạng dễ bị tổn thương của con người, điển hình như: bệnh tật, thất nghiệp, phá sản,... những vấn đề nói chung cả về thể chất và tinh thần, điều này có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến khả năng hiểu, giao tiếp và đưa ra quyết định của một người.

Gần đây hơn, đại dịch và cuộc khủng hoảng tài chính đã làm trầm trọng thêm tình trạng dễ bị tổn thương trên toàn thế giới và các tác động sẽ còn lâu dài. FCA, cơ quan quản lý tài chính của Vương quốc Anh ước tính năm đầu tiên của Covid-19 đã tạo ra thêm 3,7 triệu người tiêu dùng dễ bị tổn thương, trong đó, 53% là người trưởng thành. Để giải quyết vấn đề này, Vương quốc Anh đã áp dụng ISO 22458 vào các dịch vụ thiết yếu như: năng lượng, nước, tài chính... để mọi người có thể nhận được sự hỗ trợ cần thiết trong những thời điểm khó khăn.

ISO 22458 đưa ra hướng dẫn thiết thực cho các nhà cung cấp dịch vụ về cách xác định người tiêu dùng trong các tình huống dễ bị tổn thương, hiểu tác động của tình trạng dễ bị tổn thương và cung cấp hỗ trợ phù hợp, thông qua nghiên cứu, phân tích cùng sự tham gia của người tiêu dùng. Các nhà cung cấp dịch vụ có thể miễn cưỡng thu thập lượng lớn dữ liệu, đặc biệt là về các chủ đề như lỗ hổng bảo mật.

Để giảm thiểu tác hại, các nhà cung cấp dịch vụ cần chủ động thiết kế các hệ thống và quy trình mang tính toàn diện. Bằng cách làm



Ảnh minh họa

cho các dịch vụ có thể tiếp cận được với người có nhu cầu và khả năng đa dạng, doanh nghiệp có thể tăng cơ sở khách hàng, cải thiện kết quả, giảm khiếu nại và nâng cao danh tiếng của mình.

ISO 22458 thúc đẩy tính toàn diện bằng cách khuyến khích nhà cung cấp dịch vụ nghĩ về khả năng tiếp cận ở tất cả các “điểm tiếp xúc” bao gồm: môi trường dịch vụ, tài liệu đã xuất bản, điện thoại và dịch vụ trực tuyến. Tiêu chuẩn khuyến khích một loạt phương pháp liên hệ để mọi người có thể chọn phương pháp phù hợp nhất với họ. Loại trừ kỹ thuật số là vấn đề lớn, một số người có thể thích tương tác trực tuyến hơn nếu họ không cảm thấy thoải mái khi nói về cuộc sống cá nhân của mình.

Những thách thức mà người tiêu dùng phải đối mặt ngày nay sẽ không giống nhau trong những năm tới. Đó là lý do tại sao CPIN phải linh hoạt trong cách tiếp cận của mình, sử dụng các nguyên tắc người tiêu dùng (dựa trên UNGCP) để mang lại kết quả tốt cho người tiêu dùng có thể chịu được sự thay đổi của thị trường. Ví dụ: ISO 22458 được xây dựng dựa trên 9 nguyên tắc hướng dẫn làm nền tảng cho việc cung cấp dịch vụ toàn diện ■

Theo Vietq.vn

TCVN 5603:2023 GÓP PHẦN NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM CUNG CẤP RA THỊ TRƯỜNG

Bộ Khoa học và Công nghệ (KH&CN) mới đây đã công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5603:2023 “Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm”. Sự ra đời của tiêu chuẩn này giúp nâng cao chất lượng và sự an toàn của sản phẩm cung cấp ra thị trường, đồng thời góp phần tích cực vào tăng uy tín, hình ảnh của doanh nghiệp.

Theo thông tin từ Tổ chức Y tế thế giới (WHO), cứ 10 người trên toàn thế giới thì có 1 người mắc bệnh truyền qua thực phẩm. Nhiều năm qua, các vấn đề mất an toàn thực phẩm, ngộ độc do sử dụng rượu chứa metanol hoặc sử dụng thức ăn nhiễm khuẩn... liên tục gióng lên hồi chuông cảnh báo trong cộng đồng. Vì vậy, việc xây dựng và ban hành các tiêu chuẩn về an toàn thực phẩm là yêu cầu tất yếu từ thực tiễn.

Mới đây, Bộ KH&CN đã ban hành Quyết định số 586/QĐ-BKHCN về công bố tiêu chuẩn quốc gia TCVN 5603:2023 “Nguyên tắc chung về vệ sinh thực phẩm”. Theo đó, tiêu chuẩn HACCP do Ủy ban tiêu chuẩn thực phẩm CODEX ban hành đã được biên soạn thành tiêu chuẩn quốc gia của Việt Nam, với số hiệu TCVN 5603. TCVN 5603:2023 là phiên bản thứ tư, được biên soạn trên cơ sở tiêu chuẩn CODEX là CXC 1 (2020) và thay thế TCVN 5603:2008.

So với phiên bản năm 2008, TCVN 5603:2023 có những thay đổi như sau: Về cấu trúc tiêu chuẩn, TCVN 5603:2023 được bố cục lại gồm hai chương: Chương 1: Thực hành vệ sinh tốt (GHP), Chương 2: Hệ thống phân tích mối nguy, điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), với các nội dung hướng dẫn chi tiết.

Về nội dung, TCVN 5603:2023 đã được bổ sung một số nội dung như quy định về cam kết của lãnh đạo doanh nghiệp trong việc áp dụng HACCP, quy định về cải tiến liên tục, khiến tiêu chuẩn này tiến gần hơn với các tiêu chuẩn



về hệ thống quản lý của ISO.

TCVN 5603:2023 cũng yêu cầu cơ sở sản xuất phải áp dụng tiêu chuẩn phải thực chất hơn, trở thành “văn hóa an toàn thực phẩm”, thể hiện trong việc nâng cao ý thức vệ sinh thực phẩm cho toàn thể nhân viên, cải tiến chương trình đào tạo cán bộ, nhân viên về vệ sinh và an toàn thực phẩm...

Bên cạnh các mối nguy vật lý, hóa học và sinh học, TCVN 5603:2023 còn bổ sung quy định bắt buộc kiểm soát chất gây dị ứng. TCVN 5603:2023 cũng bổ sung yêu cầu về truy xuất nguồn gốc sản phẩm và nhấn mạnh hướng dẫn người tiêu dùng về việc áp dụng các biện pháp vệ sinh thực phẩm phù hợp như rửa tay đúng cách, bảo quản và nấu nướng đúng cách, tránh ô nhiễm chéo.

Có thể nói, sự ra đời của TCVN 5603:2023 là một cơ sở thích hợp làm chuẩn để doanh nghiệp áp dụng vào thực tế sản xuất kinh doanh, nhằm đáp ứng các yêu cầu về đảm bảo vệ sinh, an toàn thực phẩm. Tiêu chuẩn này góp phần nâng cao chất lượng và sự an toàn của sản phẩm cung cấp ra thị trường, đồng thời góp phần tích cực vào tăng uy tín, hình ảnh của doanh nghiệp trong việc áp dụng có thực chất và tuân thủ nghiêm túc theo các yêu cầu mà tiêu chuẩn đặt ra ■

Theo Vietq.vn